**TRƯỜNG THCS ĐÔNG TÂY HƯNG**

 **TIẾT 135,136**

 **ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

 **NĂM HỌC 2023 – 2024**

 **MÔN: NGỮ VĂN 8**

 **Thời gian làm bài:** 90 phút

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Củng cố kiến thức tổng hợp đã học trong HKII.

-Vận dụng kiến thức vào việc làm bài KT.

**2. Năng lực:**

**-Năng lực chung:** năng lực tự chủ trong kiểm tra, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo.

**-Năng lực chuyên biệt:**

+Đọc hiểu văn bản để xác định các yếu tố về từ vựng, phương châm hội thoại, nội dung, phương thức biểu đạt, suy nghĩ mở rộng vấn đề

+Viết: tạo lập văn bản tự sự hoàn chỉnh có vận dụng các phương thức biểu đạt đã học.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực trong kiểm tra

-Tích cực đào sâu suy nghĩ tư duy nhạy bén trong làm bài

 **MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 8**

1. **MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| Văn bản thông tin |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản phân tích một tác phẩm văn học: truyện (yêu cầu lựa chọn văn bản ngoài sách giáo khoa và học sinh chưa từng được học). | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **60%** | **40%** |

**\* Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

1. **BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **TT**
 | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức / Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá**  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | 4. Văn bản nghị luận |  | 3 TN | 5 TN | 2 TL |  |
|  | **Nhận biết:**- Xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản.- Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.**Thông hiểu:**- Nêu được nội dung bao quát của văn bản.- Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.- Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.- Xác định được sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; tác dụng của từ tượng thanh, từ tượng hình, biện pháp đảo ngữ được sử dụng trong văn bản.**Vận dụng**:- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.- Liên hệ được nội dung nêu trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại. - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình/ đồng tình một phần với quan điểm của tác giả. |  |  |  |  |
|  |
| 5. Văn bản thông tin | **Nhận biết:** - Nhận biết được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin như: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem.- Nhận biết được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu.- Nhận biết được các trợ từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục giao tiếp được sử dụng trong văn bản. Xác định được một số thành ngữ thông dụng, các yếu tố Hán Việt.**Thông hiểu**:- Phân tích được thông tin cơ bản của văn bản.  - Phân tích được đặc điểm của một số kiểu văn bản thông tin: văn bản giải thích một hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Phân tích được cách trình bày thông tin trong văn bản như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu. **Vận dụng**: - Liên hệ được thông tin trong văn bản với những vấn đề của xã hội đương đại.- Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản cụ thể. |  |  |  |  |
| **2.** | **VIẾT** | 1. Thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách. |  **Nhận biết:****Thông hiểu:****Vận dụng:****Vận dụng cao:**Viết được bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL |
| **Tổng** |  | 3TN | 5TN | 2TL | 1TL |
| ***Tỉ lệ %*** |  | 20% | 40% | 30% | 10% |
| **Tỉ lệ chung** |  | 60% | 40% |

 **3.ĐỀ KIỂM TRA**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc kỹ phần trích và trả lời các câu hỏi:**

Cầu vồng là hiện tượng quang học thiên nhiên mà hầu như ai trong chúng ta đều từng được chiêm ngưỡng. Cầu vồng bản chất là sự tán sắc ánh sáng Mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa. Cầu vồng thực ra có rất nhiều màu sắc, trong đó có 7 màu nổi bật là đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.

Trên thực tế cầu vồng không phải là một vật thể xác định, mà nó là hình ảnh phản chiếu của ánh sáng Mặt Trời qua những giọt nước trong không khí, hiện tượng này còn được gọi là sự khúc xạ ánh sáng.

Ánh sáng Mặt Trời là một hỗn hợp các màu sắc hòa trộn vào nhau mà mắt chúng ta không thể phát hiện ra các màu sắc này. Chỉ khi được chiếu qua một lăng kính thủy tinh, các tia ánh sáng bị bẻ cong hay còn gọi là khúc xạ để tạo thành một dải màu sắc liên tục mà ta gọi là quang phổ. Do các tia màu đỏ bị bẻ cong ít nhất, sau đó đến các tia màu cam, vàng, xanh lá cây, xanh lam và cuối cùng là tia màu tím bị bẻ cong nhiều nhất.

Các giọt nước cũng có thể thay thế vai trò của một lăng kính. Khi ánh sáng Mặt Trời đi qua lăng kính, các tia sáng bị bẻ cong và sau đó bị phản xạ lại và đi ra ngoài giọt nước theo một góc 42 độ. Điều đó giải thích cho việc chúng ta chỉ có thể nhìn thấy cầu vồng khi quay lưng lại với Mặt Trời và nhìn theo một góc 42 độ so với ánh sáng Mặt Trời. (Theo PSB-INFO.NET)

**Câu 1**. Văn bản trên cung cấp cho chúng ta thông tin về:

1. Giải thích một hiện tượng tự nhiên

B. Miêu tả về hiện tượng tự nhiên

 C. Nói về sự hấp dẫn của cầu vồng

 D. Giải thích một hiện tượng nhân tạo

**Câu 2**. Các thông tin trong văn bản trên được trình bày theo:

1. Trật tự thời gian
2. Quan hệ nhân quả
3. Mức độ quan trọng của đối tượng
4. Cách so sánh và đối chiếu.

**Câu 3**. Nếu xét theo mục đích giao tiếp, câu văn ***“Cầu vồng là hiện tượng quang học thiên nhiên mà hầu như ai trong chúng ta đều từng được chiêm ngưỡng”*** thuộc loại câu:

1. Câu cầu khiến

B. Câu trần thuật

C. Câu cảm thán

 D. Câu nghi vấn

**Câu 4**. Theo thông tin văn bản cung cấp, trên thực tế cầu vồng là gì?

1. Trên thực tế cầu vồng không phải là một vật thể xác định, mà nó là hình ảnh phản chiếu của ánh sáng Mặt Trời qua những giọt nước trong không khí, hiện tượng này còn được gọi là sự khúc xạ ánh sáng.
2. Trên thực tế, cầu vồng là một hiện tượng không có thật
3. Trên thực tế, cầu vồng có nhiều hơn 7 màu sắc
4. Trên thực tế, cầu vồng được tạo ra bởi ánh sáng mặt trời

**Câu 5.** Vì sao chúng ta chỉ có thể nhìn thấy cầu vồng khi quay lưng lại với Mặt Trời và nhìn theo một góc 42 độ so với ánh sáng Mặt Trời?

A. Cầu vồng bản chất là sự tán sắc ánh sáng Mặt trời khi khúc xạ và phản xạ qua các giọt nước mưa.

B. Ánh sáng Mặt trời là một hỗn hợp các màu sắc hòa trộn vào nhau.

C. Khi ánh sáng Mặt trời đi qua các lăng kính (những giọt nước) thì các tia sáng bị bẻ cong và sau đó bị phản xạ lại và đi ra ngoài giọt nước theo một góc 42 độ.

D. Trên thực tế cầu vồng  là hình ảnh phản chiếu của ánh sáng Mặt Trời qua những giọt nước trong không khí.

**Câu 6.** Trong các tia màu sắc của cầu vồng, tia màu nào bị bẻ cong ít nhất?

1. Tia màu đỏ
2. Tia màu vàng
3. Tia màu tím
4. Tia màu xanh

**Câu 7.** Đặc điểm nổi bật của văn bản là:

A. Được viết để truyền đạt thông tin, kiến thức về hiện tượng cầu vồng.

B. Trình bày một cách khách quan, trung thực.

C. Không có yếu tố hư cấu, tưởng tượng.

D. Tất cả các đáp án trên.

**Câu 8**. Cách trình bày, sắp xếp thông tin của văn bản trên có tác dụng: nhằm cung cấp những thông tin khái quát nhất về hiện tượng cầu vồng.

 A. Đúng B.Sai

**Câu 9.** Theo em, “hiện tượng cầu vồng có liên quan đến sự biến đổi khí hậu ” không? Vì sao?

**Câu 10.** Từ nội dung của văn bản em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

 Viết văn bản thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên .

==========================================================

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | A | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | A | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | Học sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến, có lí giải phù hợp. Gợi ý: \* Em đồng tình với ý kiến trên vì:- Dưới góc nhìn khoa học, việc nhìn thấy nhiều cầu vồng là một trong những dấu hiệu cho thấy biến đổi khí hậu đang diễn ra theo chiều hướng xấu.Thực tế bầu trời càng rực rỡ sắc màu thì càng có nhiều vấn đề về biến đổi khí hậu trên toàn cầu.- Điều kiện để xuất hiện cầu vồng là trời vừa mưa vừa nắng. Biến đổi khí hậu sẽ làm thay đổi các kiểu thời tiết, mưa nhiều, nắng nhiều cũng sẽ xuất hiện nhiều cầu vồng…… | 1,0  |
|  | **10** | HS nêu được bài học nhận thức và bài học hành động. Gợi ý:- Nhận thức được việc chống biến đổi khí hậu là việc làm cần thiết, có vai trò vô cùng quan trọng đối với chúng ta.- Mỗi cá nhân tự thiết lập những thói quen tốt như: sử dụng năng lượng sạch, trồng nhiều cây xanh, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, không sử dụng túi nilon, thu gom rác thải, tuyên truyền với bạn bè, người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường….- Phê phán những người chưa có ý thức bảo vệ mô trường.(HS có thể kể được những bài học và hành động khác miễn là phù hợp thì cho điểm tối đa nếu có từ 03 ý trở lên) | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT**  | **4,0** |
|  | a. Đảm bảo cấu trúc bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên gồm 3 phần: MB, TB, KB. Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo. | 0,25 |
|  | b. Xác định đúng yêu cầu của đề: viết bài văn thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên. Triển khai vấn đề thuyết minh thành các luận điểm: HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; sau đây là một số gợi ý: | 0,25 |
|  | **\* Mở bài**- Nêu tên hiện tượng tự nhiên.- Giới thiệu khái quát về hiện tượng tự nhiên.**\* Thân bài**- Miêu tả hay thuật lại các biểu hiện điển hình của hiện tượng tự nhiên- Nêu lần lượt các nguyên nhân dẫn đến hiện tượng tự nhiên, kết hợp trích dẫn ý kiến của các chuyên gia và bổ sung trên cơ sở một số tài liệu được cập nhật.- Xác định mối liên hệ giữa hiện tượng tự nhiên với đời sống của con người; nêu, đánh giá khái quát về thái độ và những việc con người đã làm trước hiện tượng tự nhiên đó.**\*Kết bài:** Nêu ấn tượng hay đánh giá chung của bản thân về hiện tượng tự nhiên được đề cập. |  0.5 0,51,01,00,5 |